

15/05/07. 5.078
01/01/08

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: *930* /GP-BTNMT

Hà Nội, ngày *02* tháng *5* năm 2008

BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Căn cứ Luật Khoáng sản ngày 20 tháng 3 năm 1996 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Khoáng sản ngày 14 tháng 6 năm 2005;

Căn cứ Nghị định số 160/2005/NĐ-CP ngày 27 tháng 12 năm 2005 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Khoáng sản và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Khoáng sản;

Căn cứ Nghị định số 25/2008/NĐ-CP ngày 04 tháng 3 năm 2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

Căn cứ Quyết định số 167/2007/QĐ-TTg ngày 01 tháng 11 năm 2007 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch phân vùng thăm dò, khai thác, chế biến và sử dụng quặng bauxit giai đoạn 2007-2015 có xét đến năm 2025; Công văn số 2393/VPCP-CN ngày 08 tháng 5 năm 2007 của Văn phòng Chính phủ về việc khai thác mỏ bauxit Ma Mèo, huyện Văn Lãng, tỉnh Lạng Sơn;

Căn cứ ý kiến của các cơ quan liên quan về việc khai thác mỏ bauxit Ma Mèo, xã Tân Mỹ, huyện Văn Lãng, tỉnh Lạng Sơn: Bộ Quốc phòng tại Công văn số 411/BQP-TM ngày 22 tháng 01 năm 2007, Bộ Văn hóa - Thông tin tại Công văn số 5395/BVHTT-DSVH ngày 29 tháng 12 năm 2006, Cục Lâm nghiệp thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Công văn số 1782/CV-SDR ngày 28 tháng 12 năm 2006;

Căn cứ Quyết định số 017/QĐ-TL ngày 14 tháng 11 năm 1973 của Tổng Cục Địa chất thông qua Báo cáo địa chất về kết quả công tác thăm dò bổ xung mỏ Bauxit Ma Mèo - Bắc Đồng Đăng; Quyết định số 32/QĐ-HĐTL/CD ngày 22 tháng 8 năm 2007 của Hội đồng Đánh giá trữ lượng khoáng sản về việc công nhận kết quả chuyển đổi cấp trữ lượng và cấp tài nguyên mỏ bauxit Ma Mèo, huyện Văn Lãng, tỉnh Lạng Sơn;

Theo đề nghị của Ủy ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn tại Công văn số 766/UBND-KTN ngày 27 tháng 9 năm 2007 về việc khoanh định lại vị trí khu vực khai thác mỏ bauxit Ma Mèo xã Tân Mỹ, huyện Văn Lãng, tỉnh Lạng Sơn;

Remu

Xét Đơn và hồ sơ của Công ty cổ phần Đá mài Hải Dương xin khai thác quặng bauxit tại mỏ bauxit Ma Mèo, xã Tân Mỹ, huyện Văn Lãng, tỉnh Lạng Sơn nộp tại Cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam ngày 27 tháng 2 năm 2008 và nộp bổ sung hồ sơ ngày 11 tháng 3 năm 2008;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cho phép *Công ty cổ phần Đá mài Hải Dương* khai thác quặng bauxit bằng phương pháp lộ thiên tại các khối trữ lượng 1-121, 2-121, 3-121, 4-121, 5-121, 4-122, 5-122, 6-122 và một phần các khối 6-121, 1-122, 2-122, 8-122, 9-122 tại Khu Ma Mèo; các khối 20-121, 34-122 và một phần các khối 21-121, 32-122, 33-122 tại Khu Tà Lài thuộc mỏ bauxit Ma Mèo, xã Tân Mỹ, huyện Văn Lãng, tỉnh Lạng Sơn;

1. Diện tích khu vực khai thác: 18,08 ha (mười tám phẩy không tám hecta), gồm Khu Ma Mèo: 11,92 ha, Khu Tà Lài: 6,16 ha; thuộc tờ bản đồ tỷ lệ 1/50.000 số hiệu F-48-58-A (hệ tọa độ VN 2000) hoặc số hiệu 6352 IV (hệ tọa độ UTM), được giới hạn bởi các điểm khép góc có tọa độ như Phụ lục kèm theo;

2. Trữ lượng khai thác: 1.262.340 tấn, gồm:

+ Khu Ma Mèo: 855.690 tấn;

+ Khu Tà Lài: 406.650 tấn;

3. Công suất khai thác: 46.000 tấn/năm;

4. Thời hạn Giấy phép khai thác: 28,5 năm, kể từ ngày ký Giấy phép, trong đó thời gian khai thác là 27,5 năm, thời gian xây dựng cơ bản mỏ là 01 năm.

Điều 2. *Công ty cổ phần Đá mài Hải Dương* có trách nhiệm:

1. Tiến hành hoạt động khai thác quặng bauxit theo đúng tọa độ, diện tích, trữ lượng, công suất quy định tại Điều 1 của Giấy phép này;

2. Trước khi tiến hành khai thác, phải nộp thiết kế mỏ được lập, thẩm định, phê duyệt theo đúng quy định của pháp luật cho cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền; phải báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn, Bộ Tư lệnh Quân khu 1 kiểm tra tại thực địa, xác định tọa độ, mặt bằng khai thác và cắm mốc giới phạm vi khu vực được phép khai thác; thực hiện quy định rà phá bom mìn, vật nổ bảo đảm an toàn khu vực dự án; phải thực hiện thủ tục chuyển đổi mục đích sử dụng đất theo quy định của pháp luật;

Bern

3. Phải thực hiện đầy đủ nội dung Bản cam kết bảo vệ môi trường Dự án đầu tư khai thác và chế biến quặng bauxit đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền xác nhận; thực hiện việc ký quỹ để phục hồi môi trường trong khai thác khoáng sản theo quy định và thực hiện theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường;

4. Việc khai thác phải thực hiện đúng và đầy đủ các phương pháp, quy trình kỹ thuật, bảo đảm an toàn kỹ thuật, an toàn công trình mỏ; phải có các biện pháp phòng, chống các sự cố, bảo đảm an toàn lao động và các quy định khác có liên quan về an toàn trong khai thác mỏ;

Phải thu hồi tối đa quặng bauxit; báo cáo đúng sản lượng khai thác, chế biến, sử dụng, tiêu thụ quặng bauxit cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền;

Việc quản lý, sử dụng các sản phẩm khai thác, chế biến được, phải thực hiện đúng theo quy định của pháp luật hiện hành;

5. Phải thường xuyên thực hiện các biện pháp kiểm soát các khu vực khai thác, chế biến, các công trình phụ trợ và các khu vực khác có liên quan; bảo vệ tài nguyên khoáng sản, bảo đảm an toàn, trật tự mỏ theo các quy định của pháp luật có liên quan;

Trường hợp có dấu hiệu không đảm bảo an toàn theo quy định, phải dừng ngay hoạt động khai thác, chế biến, đồng thời có biện pháp khắc phục kịp thời và báo cáo ngay bằng văn bản cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền để xử lý theo quy định của pháp luật;

6. Thực hiện việc hoàn lại phần vốn của Nhà nước đã đầu tư cho công tác thăm dò theo quy định của pháp luật;

7. Thực hiện việc đóng cửa mỏ; phục hồi môi trường, đất đai sau khai thác; báo cáo định kỳ trong hoạt động khoáng sản theo quy định của pháp luật về khoáng sản và các quy định khác có liên quan.

Điều 3. Hoạt động khai thác quặng bauxit theo Giấy phép này, **Công ty cổ phần Đá mài Hải Dương** chỉ được phép tiến hành sau khi đã thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật có liên quan và các quy định tại Giấy phép này; có Quyết định cho thuê đất của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật; thực hiện việc ký quỹ để phục hồi môi trường trong khai thác khoáng sản; nộp cho Cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam, Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Lạng Sơn, Sở Công nghiệp tỉnh Lạng Sơn thiết kế mỏ được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định; đăng ký ngày bắt đầu xây dựng cơ bản mỏ, ngày hoạt động sản xuất kinh doanh, thông báo về giám đốc điều hành

Acru

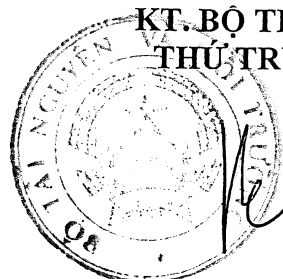
mỏ, kế hoạch khai thác, chế biến tại cơ quan chức năng của Nhà nước theo quy định;

Trường hợp **Công ty cổ phần Đá mài Hải Dương** vi phạm các quy định của Luật Khoáng sản, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Khoáng sản và các văn bản pháp luật có liên quan hoặc không thực hiện đúng và đầy đủ các nghĩa vụ quy định tại Giấy phép này, Giấy phép sẽ bị thu hồi theo quy định của Luật Khoáng sản và **Công ty cổ phần Đá mài Hải Dương** phải chịu mọi trách nhiệm trước pháp luật về các vấn đề có liên quan./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh Lạng Sơn;
- Bộ Công Thương;
- Bộ Tư lệnh Quân khu 1;
- Sở TN và MT tỉnh Lạng Sơn;
- Sở CN tỉnh Lạng Sơn;
- Công ty CP Đá mài Hải Dương (2);
- Lưu HS, ĐCKS.DP(12).


Kieu Bieu

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Trần Thế Ngọc

Giấy phép khai thác khoáng sản được đăng ký nhà nước
tại Cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam.

Số đăng ký:..15.. ĐK/KT.

Hà Nội, ngày 05 tháng 5 năm 2008

CHỦ TỊCH QUỐC HỘI
CỤC TRƯỞNG
CỤC
ĐỊA CHẤT
VÀ
KHOÁNG SẢN
VIỆT NAM

TRINH XUÂN BÈN

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

TỌA ĐỘ KHU VỰC MỎ BAUXIT MA MÈO, XÃ TÂN MỸ, HUYỆN VĂN LÃNG, TỈNH LẠNG SƠN

(Phụ lục kèm theo Giấy phép khai thác khoáng sản số **930** /GP-BTNMT
ngày **02** tháng **5** năm 2008 của Bộ Tài nguyên và Môi trường)

Khu vực, diện tích	Điểm khép góc	Tọa độ hệ UTM		Tọa độ hệ VN 2000 (KTT 105 ⁰ , múi 6 ⁰)	
		X(m)	Y(m)	X(m)	Y(m)
Khu Ma Mèo 11,92 ha	10	2430 850	673 620	2431 279	673 003
	11	2430 923	673 676	2431 352	673 059
	12	2430 934	673 937	2431 363	673 320
	13	2430 879	673 937	2431 308	673 320
	14	2430 851	673 803	2431 280	673 186
	15	2430 805	673 730	2431 234	673 113
	15A	2430 772	673 600	2431 201	672 983
	16	2431 034	673 835	2431 463	673 218
	17	2431 121	673 832	2431 550	673 215
	18	2431 181	673 894	2431 610	673 277
	19	2431 229	674 009	2431 658	673 392
	20	2431 180	674 049	2431 609	673 432
	21	2431 180	674 149	2431 609	673 532
	22	2431 308	674 148	2431 737	673 531
	23	2431 306	674 250	2431 735	673 633
	24	2431 125	674 250	2431 554	673 633
	25	2431 125	674 195	2431 554	673 578
	26	2430 927	674 166	2431 356	673 549
	27	2430 894	674 011	2431 323	673 394
	28	2431 038	674 011	2431 467	673 394

Perm

Khu Tà Lài 6,16 ha	1	2431 153	673 406	2431 582	672 789
	2	2431 323	673 478	2431 752	672 861
	3	2431 441	673 503	2431 870	672 886
	4	2431 441	673 540	2431 870	672 923
	5	2431 510	673 590	2431 939	672 973
	6	2431 468	673 675	2431 897	673 058
	7	2431 380	673 655	2431 809	673 038
	8	2431 030	673 490	2431 459	672 873
	9	2431 068	673 411	2431 497	672 794

Beno